



BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

2019



Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh,
Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.



0296.3852969



cokhiangiang@agm.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

MỤC LỤC

1

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

2

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2019

3

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC

4

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2019

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
CÁC RỦI RO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ AN GIANG**

Tên tiếng Anh:

**AN GIANG MECHANICAL
JOINT STOCK COMPANY**

Giấy chứng nhận ĐKDN số: 1600111049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 07/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 07/06/2017.

Địa chỉ: 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Vốn điều lệ:
32.864.040.000 đồng

0296.3852969

0296.3853052

cokhiangiang@agm.vn
trade@agm.vn

www.cokhiangiang.com.vn
www.cokhiangiang.com

Mã cổ phiếu:
CKA

2009 - 2013

Ngày 24/03/2009, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bổ sung vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ từ 19.427.170.000 đồng lên 28.577.430.000 đồng.

Ngày 26/04/2013, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bổ sung vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ từ 28.577.430.000 đồng lên 32.864.040.000 đồng.

2016

Ngày 04/09/2016, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty (04/09/1976 - 04/09/2016).

2018

12/6/2018, Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Mã chứng khoán của Công ty là CKA.

10/10/2018, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CKA, giá trị giao dịch là 32.864.040.000 đồng.

17/10/2018, ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu là 20.000 đồng/cổ phiếu.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

1975

Ngày 04/09/1976, Xí Nghiệp Cơ Khí tỉnh được thành lập theo quyết định số 117/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với cơ sở vật chất và trang thiết bị ban đầu gồm toàn bộ tài sản của Trường Kỹ thuật tỉnh An Giang do chế độ Sài Gòn cũ xây dựng và trang bị từ năm 1966 để lại.

1992 - 1999

Ngày 21/11/1992, Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang được thành lập lại theo Nghị định số 388/HĐ.BT của Hội Đồng Bộ Trưởng trên cơ sở sáp nhập các Xí Nghiệp Cơ Khí Huyện và Thị xã vào để hình thành nên Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang.

Ngày 20/04/1999, Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang được đổi tên thành Công ty Cơ Khí An Giang theo quyết định số 764/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An Giang và tiếp tục hoạt động cho đến ngày hôm nay.

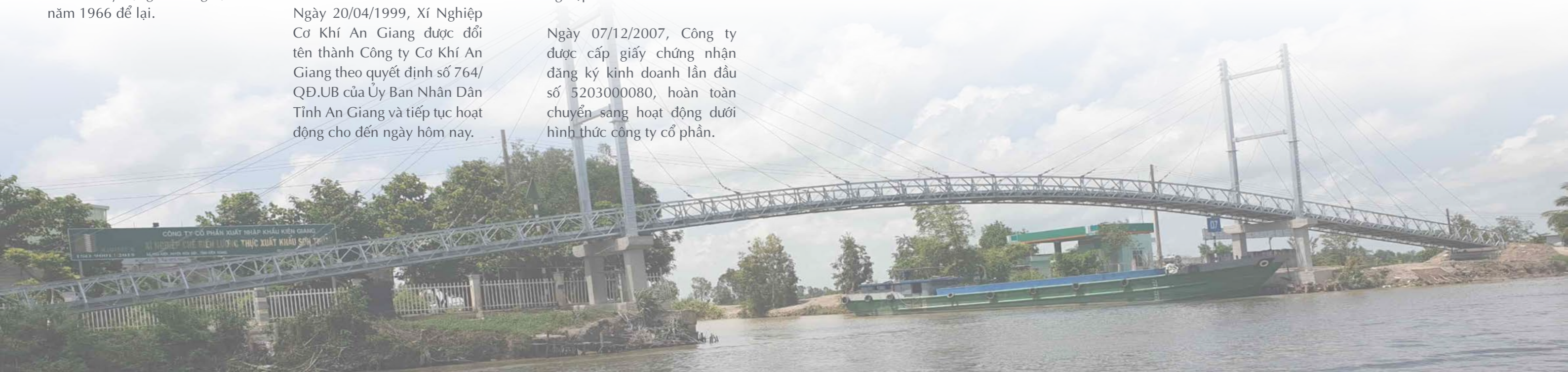
2007

Ngày 29/05/2007, Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp có quyết định số 17/MĐL- NN/QĐ-HĐQT về việc tiếp nhận Công ty Cơ Khí An Giang về làm thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp.

Ngày 07/12/2007, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5203000080, hoàn toàn chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2019

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí An Giang nhất trí thông qua ngày 23/04/2019 về việc sửa đổi Điều lệ Công ty lần 04.
24/10/2019, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang công bố sử dụng mẫu con dấu mới.



CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

Ngày 11/10/2018, ông Nguyễn Chí Thành, Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang tham dự chương trình “Tôn vinh những Doanh nhân, Doanh nghiệp tiêu biểu ĐBSCL 2018” và nhận bằng khen “Doanh nghiệp phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long”; quyết định tặng Biểu tượng danh hiệu “Doanh nhân vì cộng đồng Đồng bằng sông Cửu Long” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI tổ chức tại khách sạn Vinpearl - Cần Thơ.

Ngày 20/02/2019, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang nhận chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

Ngày 06/7/2019, Công ty Cổ phần Cơ Khí An Giang tham gia chương trình “Tôn vinh doanh nghiệp Việt Nam điển hình sáng tạo Việt Nam 2019 & Diễn đàn Kết nối đầu tư, xúc tiến thương mại phát triển kinh tế doanh nghiệp” và được nhận Chứng nhận Danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam tiêu biểu sáng tạo năm 2019”.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại sản phẩm từ kim loại	2599 (chính)
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá và khai thác mỏ đá	0810
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. - Chi tiết: Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép - Chi tiết: Dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép - Chi tiết: Sản xuất gạch không nung	2395
4	Đúc sắt, thép Chi tiết: Đúc kim loại, á kim	2431
5	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị	2829
6	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện	2710
7	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc - Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải khác - Chi tiết: Thay đổi kết cấu máy và hệ thống truyền lực của xe có động cơ	3099
8	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu, phế thải kim loại	3830
9	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật. Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình	4390
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng	4329
11	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Chi tiết: Thiết kế công trình kết cấu thép - Chi tiết: Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình - Chi tiết: Các dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ - Chi tiết: Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải thủy	7410
12	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ	4520
13	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như: máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in)	4651

14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu (mua bán kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng)	4662
15	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại	4513
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại xe máy, mô tô và ô tô	4530
17	Sản xuất mô tô, xe máy Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe mô tô điện, xe đạp điện các loại	3091
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán nhớt, mỡ bò	4661
19	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác nước khoáng	899
20	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa sà lan	3011
21	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ - Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: cầu, đường, cống	4210
22	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
24	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
25	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
26	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
27	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
28	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
29	Bốc xếp hàng hóa	5224
30	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

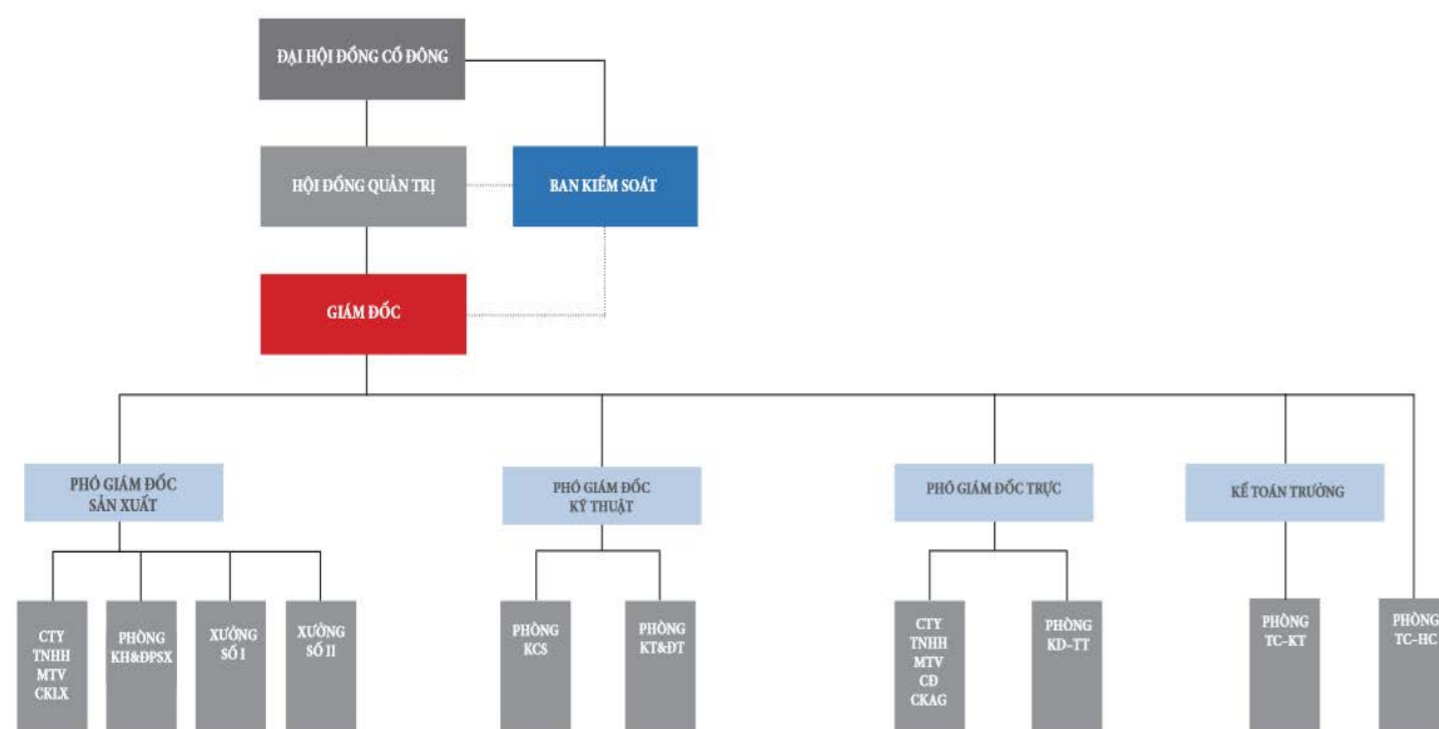
31	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
32	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
33	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: cầu, đường, cống	4212

Địa bàn kinh doanh

Công ty hiện đang hoạt động chủ yếu ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, với diện tích khoảng bốn triệu hecta, đồng bằng Sông Cửu Long sản xuất 50% sản lượng lương thực và đóng góp 20% GDP cả nước.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Công ty con:

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ LONG XUYÊN

Địa chỉ	1785 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại	0296.3833792 - 2211314 - 834365
Fax	0296.3835770
Vốn điều lệ	4.584.859.059 đồng
Tỷ lệ sở hữu	100%

CÔNG TY TNHH MTV CẦU ĐƯỜNG CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ	839 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang
Điện thoại	0296.3989753
Fax	0296.3989755
Vốn điều lệ	10.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu	100%

Công ty liên doanh:

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO

Địa chỉ	Ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
Điện thoại	0296.3874616
Fax	0296.3772249
Vốn điều lệ	7.956.213.357 đồng
Tỷ lệ sở hữu	49% vốn điều lệ, 50% quyền biểu quyết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Nằm trong trung tâm nông nghiệp của Đồng Bằng Sông Cửu Long và của cả nước, Cơ khí An Giang được trao sứ mệnh tiên phong trong công cuộc cơ giới hóa, tự động hóa, hiện đại hóa nông thôn và sản xuất nông nghiệp. Công ty luôn cố gắng, nỗ lực

Mục tiêu về thị trường:

Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.

Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục. Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thị trường, nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.

Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị nhằm đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực sản xuất và bảo vệ môi trường.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thực hiện các vấn đề về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp như sau:

Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Thường xuyên cập nhật và kiểm soát các mối nguy, rủi ro từ hoạt động sản xuất để ngăn ngừa sự ô nhiễm đối với môi trường, nâng cao mức độ an toàn lao động, sức khỏe cho nhân viên và cộng đồng.

Huấn luyện định kỳ cho công nhân biết được và thấu hiểu các tác nhân gây ảnh hưởng tới môi trường cũng như an toàn sức khỏe nghề nghiệp của chính họ.

Công ty luôn thấu hiểu việc phát triển bền vững của Doanh nghiệp luôn đi cùng với việc phát triển cộng đồng và xã hội. Với một môi trường cộng đồng, xã hội vững mạnh, đoàn kết, phát triển thì sẽ tạo ra một môi trường kinh doanh tích cực đối với doanh nghiệp và ngược lại. Vì lý do đó, Công ty luôn đặt sự phát triển của mình đi cùng với sự phát triển của cộng đồng, luôn góp phần hỗ trợ giúp cộng đồng và địa phương ngày càng vững mạnh hơn.

để đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, và để duy trì vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động. Các sản phẩm và dịch vụ của Công ty không những thống lĩnh thị trường trong nước mà còn vươn ra thị trường quốc tế.



Ban Giám đốc điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, quy chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

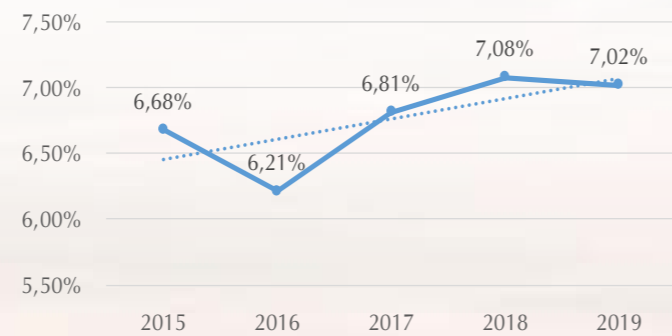


CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm quốc nội GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt qua cả mục tiêu được đề ra ban đầu là 6,6% - 6,8%. Tính riêng ngành thép trong cả năm 2019, sản xuất đạt hơn 25 triệu tấn, tăng 4,4%; bán hàng đạt hơn 23 triệu tấn, tăng 6,4% so với cùng kỳ 2018. Đối với một quốc gia đang trong giai đoạn phát triển mạnh như Việt Nam thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng là vô cùng cần thiết, các tòa nhà cao tầng liên tục mọc lên, dẫn đến nhu cầu về nguyên vật liệu phục vụ cho việc xây dựng cũng sẽ tăng theo. Trong năm 2019, tuy đà tăng trưởng của ngành xây dựng vẫn đạt đến 9,1% nhưng so cùng kỳ năm 2018 thì tốc độ này đã có dấu hiệu chậm lại do sự chững lại của ngành bất động sản. Qua năm 2020, Công ty lo ngại những ngành sử dụng sắt thép, vật liệu xây dựng nhiều như ngành xây dựng, bất động sản sẽ tiếp tục đối mặt với một năm khó khăn nên Doanh nghiệp cần phải liên tục cập nhật những biến động mới nhất của cả nền kinh tế để từ đó có những bước đi phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực từ rủi ro kinh tế.

Cuối tháng 12/2019, với sự xuất hiện của một loại dịch viêm phổi cấp do chủng mới của virus corona có mức độ nguy hiểm tương tự dịch SARS, lây truyền nhanh trên diện rộng. Từ đó, các hoạt động giao dịch, sản xuất kinh doanh chung trong nước sẽ có khả năng bị trì trệ trong khoảng đầu năm tiếp theo. Nếu tình hình dịch bệnh kém khả quan trong thời gian dài, không chỉ tác động đến tăng trưởng doanh thu của CKA mà còn có thể dẫn đến các Doanh nghiệp là khách hàng của CKA sẽ chậm tiến độ xây dựng (đối với doanh nghiệp xây dựng) khiến việc trả nợ cho Công ty sẽ gặp khó khăn và ảnh hưởng trực tiếp đến CKA.



Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm (%)

Rủi ro về lãi suất

Trong năm 2019, lãi suất cho vay ở Việt Nam phổ biến khoảng 6% - 9%/năm đối với ngắn hạn và 9% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung mặt bằng lãi suất cho vay ở nước ta trong năm nay được duy trì ổn định, thậm chí ở quý IV năm nay, Ngân hàng nhà nước Việt Nam còn có động thái giảm lãi suất điều hành từ 6,5% xuống còn 6%, động thái này được cho là sự hỗ trợ của Ngân hàng nhà nước để tạo cơ hội thuận lợi cho Doanh nghiệp phát triển trong năm tiếp theo. Đối với riêng CKA, trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty có đến gần 34% là từ vay tài chính, do đó bất cứ một biến động nhỏ về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì thế, Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay để từ đó kịp thời đưa ra những điều chỉnh về cơ cấu nguồn vốn, giảm thiểu tối đa những tác động từ rủi ro về lãi suất.



Rủi ro giá nguyên vật liệu

Hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh. Hiện nay, Công ty vẫn còn gặp khó khăn trong việc quản lý chi phí sản xuất của Công ty khi thuế VAT của vật tư nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất máy nông nghiệp không được khấu trừ. Ngoài ra, vật tư, nguyên liệu đầu vào của ngành cơ khí chế tạo máy đa phần là phải nhập khẩu, giá cả, chủng loại, chất lượng không ổn định. Để nâng cao chất lượng quản lý chi phí sản xuất và chi phí nguyên vật liệu đầu vào, Công ty cần liên tục tìm kiếm các nhà cung cấp phù hợp với giá cả hợp lý cũng như chất lượng nguyên vật liệu tốt nhất.



Rủi ro pháp luật

CKA là một chủ thể hoạt động kinh doanh trong thị trường hiện nay nên hoạt động của Công ty chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,...

Với việc hệ thống pháp luật liên quan đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, các chính sách của Nhà nước được thay đổi dần để bắt kịp với sự phát triển của thế giới. Khi có sự thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh của mình và các lĩnh vực có liên quan khác để kịp thời có những chiến lược đúng đắn trong từng thời kỳ.

Rủi ro cạnh tranh

Mặc dù tỷ lệ cơ giới hóa nông nghiệp vẫn tăng theo từng năm, song thực tế mới chỉ đáp ứng được khoảng 30% nhu cầu trong nước, thậm chí thị phần này đang bị các doanh nghiệp sản xuất nước ngoài từng bước thu tóm. Đơn cử, thị trường máy gặt xếp dây ngày càng gặp khó khăn, do phụ thuộc vào vụ mùa và bị thu hẹp do máy gặt đập liên hợp thay thế. Trong đó, máy gặt đập liên hợp của hãng Kubota (Nhật Bản) gần như độc chiếm hoàn toàn thị trường. Bên cạnh đó, trong thời kỳ hội nhập 4.0, công nghệ phát triển nhanh chóng, các đối thủ gia nhập ngành với lợi thế về công nghệ tiên tiến và nguồn FDI cũng sẽ gây khó khăn cho CKA. Vì vậy, công ty luôn tìm kiếm giải pháp đẩy mạnh năng suất sản xuất, đầu tư mới các thiết bị, ứng dụng công nghệ nhằm làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản mang về hiệu quả kinh doanh cho Công ty tốt nhất.



Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, bệnh dịch,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên cũng như người dân,... nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

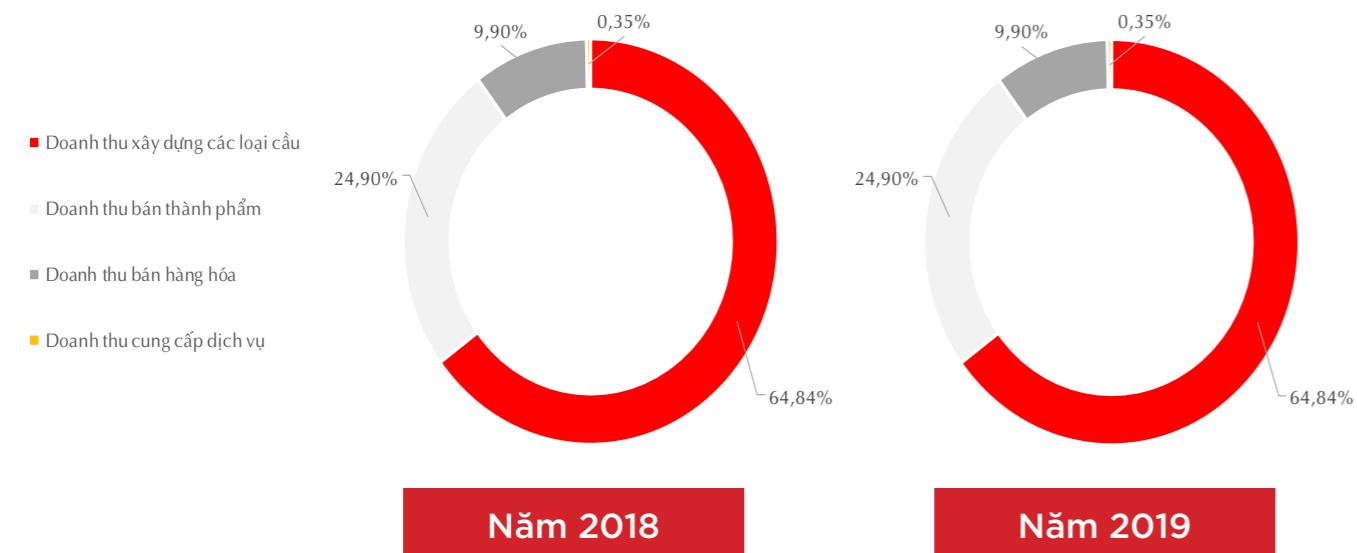
TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		% tăng giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Doanh thu xây dựng các loại cầu	124.853	64,84%	93.035	68,71%	-25,48%
Doanh thu bán thành phẩm	47.954	24,90%	26.123	19,29%	-45,52%
Doanh thu bán hàng hóa	19.064	9,90%	13.699	10,12%	-28,14%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	681	0,35%	2.550	1,88%	274,45%
Tổng cộng	192.552	100%	135.407	100%	-29,68%



Nhìn chung, cơ cấu doanh thu trong năm qua không có nhiều sự thay đổi đáng kể. Doanh thu từ hai hoạt động chính của Công ty là xây dựng các loại cầu và bán thiết bị, công cụ cơ khí vẫn chiếm phần lớn tỷ trọng. Tuy nhiên, doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm nay đã giảm từ hơn 192,5 tỷ xuống còn 135,4 tỷ đồng do hầu hết các khoản doanh thu từ hoạt động kinh doanh của Công ty đều giảm. Cụ thể hơn, doanh thu xây dựng các loại cầu đóng vai trò chủ chốt giảm 25,48% trong khi đó, doanh thu bán máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng giảm gần 22 tỷ đồng tương ứng với mức giảm là 45,52%. Doanh thu bán hàng hóa đến từ việc mua bán máy gặt xếp dây ngày càng gặp khó khăn, do phụ thuộc vào vụ mùa và bị thu hẹp do máy gặt đập liên hợp thay thế, doanh thu từ mặt hàng này giảm 28,14% so với cùng kỳ năm 2018. Doanh thu cung cấp dịch vụ có tăng trưởng nhưng không đáng kể.

Mặc dù doanh thu thuần của Công ty trong năm qua giảm đáng kể nhưng nhờ vào việc quản lý tốt chi phí đầu vào cũng như chi phí đầu ra của CKA mà kết quả lợi nhuận gộp đạt gần 28,2 tỷ đồng, tăng 20,77% so với năm 2018. Cụ thể hơn, chi phí bán hàng giảm gần gấp đôi, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng giảm nhưng không đáng kể. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán giảm mạnh chủ yếu do giá thép xây dựng và các vật tư xây dựng trong năm giảm đáng kể. Từ đó góp phần làm cho lợi nhuận sau thuế của CKA đạt gần 15,7 tỷ đồng, tăng 52,8% so với cùng kỳ năm trước.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Tính đến ngày 05/04/2019

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Chí Thành	Giám đốc	120.108	3,65%
2	Trần Văn Thái	Phó Giám đốc	58.275	1,77%
3	Lê Thanh Vân	Phó Giám đốc	92.615	2,82%
4	Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	53.198	1,62%
5	Phan Thị Tuyết Vân	Trưởng phòng Kế toán	37.123	1,13%

Ông Nguyễn Chí Thành

Ngày sinh : 12/08/1961

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Thời gian	Chức vụ
18/02/1985 - 14/07/1986	Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
15/7/1986 - 31/01/1989	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử mới, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
01/01/1990 - 14/11/1990	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Gò hàn - Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
15/11/1990 - 31/7/1991	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
01/8/1991 - 18/2/1992	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang
19/2/1992 - 21/5/1993	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
22/5/1993 - 19/03/1995	Phó phòng Kỹ thuật KCS, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
20/3/1995 - 31/7/1995	Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
01/8/1995 - 23/10/1996	Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
24/10/1996 - 05/5/1999	Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí An Giang
06/5/1999 - 09/11/2007	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang.
10/11/2007 - 31/12/2007	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.
01/01/2008 - 08/9/2011	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên.
09/9/2011 - 31/5/2015	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.
01/6/2015 - nay	TV HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty : 120.108 cổ phần, chiếm 3,65% vốn điều lệ.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Antraco

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

Ông Trần Văn Thái

Ngày sinh : 03/01/1963

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.

Thời gian	Chức vụ
18/2/1985 - 31/7/1985	Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
18/2/1985 - 31/7/1985	Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
15/7/1986 - 05/5/1993	Cán bộ kỹ thuật Ban nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
06/5/1993 - 23/2/1994	Phó Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
24/2/1994 - 14/3/1995	Phó trưởng Phân xưởng sản xuất thuộc Ban Quản trị sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
15/3/1995 - 31/7/1995	Phó Quản đốc Xưởng Sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
01/8/1995 - 09/3/1996	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
10/3/1996 - 18/6/1997	Trưởng phòng Tiếp thị, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
19/6/1997 - 23/11/1998	Trưởng ban Ban Tiếp thị & Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2
24/11/1998 - 05/05/1999	Trợ lý Giám đốc - Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2
06/05/1999 - 11/5/1999	Trợ lý Giám đốc kiêm Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên - Công ty Cơ khí An Giang
12/5/1999 - 27/4/2000	Trợ lý Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên - Công ty Cơ khí An Giang
28/4/2000 - 18/11/2007	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang
19/11/2007 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty : 58.275 cổ phần, chiếm 1,77% vốn điều lệ.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang, thành viên HĐQT Công ty liên doanh Antraco

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

Ông Lê Thanh Vân

Ngày sinh : 16/12/1964

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí ngành đúc nhiệt luyện

Thời gian	Chức vụ
15/01/1990 - 31/3/1990	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Đúc, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
01/4/1990 - 20/11/1992	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang
21/11/1992 - 18/06/1997	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
19/06/1997 - 06/10/1998	Phó phòng Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
07/10/1998 - 01/11/1998	Phó Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn
02/11/1998 - 08/9/2011	Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn
09/9/2011 - 08/6/2014	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang
09/6/2014 - nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty : 92.615 cổ phần, chiếm 2,82% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên, Thành viên HĐQT Công ty liên doanh Antraco.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

Ông Huỳnh Văn An

Ngày sinh : 27/5/1972

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí

Thời gian	Chức vụ
1996	Nhân viên tại Cơ khí An Giang
2003	Phó trưởng phòng Kỹ thuật
2011	Trưởng phòng Kỹ thuật và Đầu tư Công ty
2019	Phó Giám đốc Công ty

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty : 53.198 cổ phần, chiếm 1,62% vốn điều lệ.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Kiểm soát viên Công ty TNHH Liên doanh ANTRACO.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Không có

Bà Phan Thị Tuyết Vân

Ngày sinh : 07/08/1965

Trình độ văn hóa : 12/12

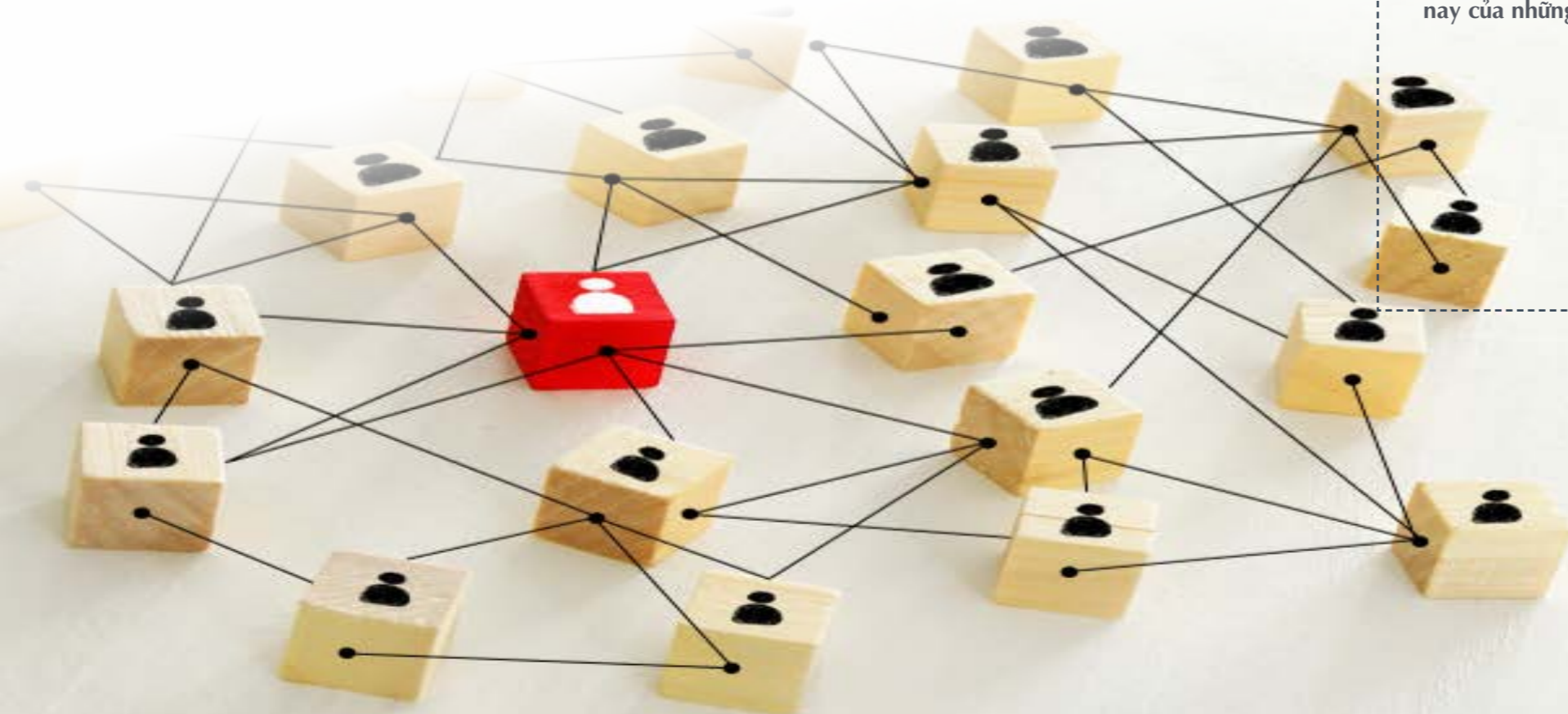
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Thời gian	Chức vụ
1995 - 03/1999	Kế toán tổng hợp Xí nghiệp Cơ khí An Giang
4/1999 - 2007	Kế toán tổng hợp Công ty Cơ khí An Giang
2008 - 10/2014	Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
01/12/2014 - 28/02/2017	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
2017 - 29/02/2020	Quyền Trưởng phòng Tài chính kế toán CTCP Cơ khí An Giang
01/03/2020 - nay	Trưởng phòng Tài chính kế toán CTCP Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại Công ty : 37.123 cổ phần, chiếm 1,13% vốn điều lệ.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Kiểm soát viên Công ty TNHH Liên doanh ANTRACO.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan : Chồng Nguyễn Ngọc Minh - 19.107 cổ phần)
Em ruột Phan Thị Tuyết Nhung - 13.219 cổ phần)
Em ruột Phan Thị Anh Thư - 30.500 cổ phần)



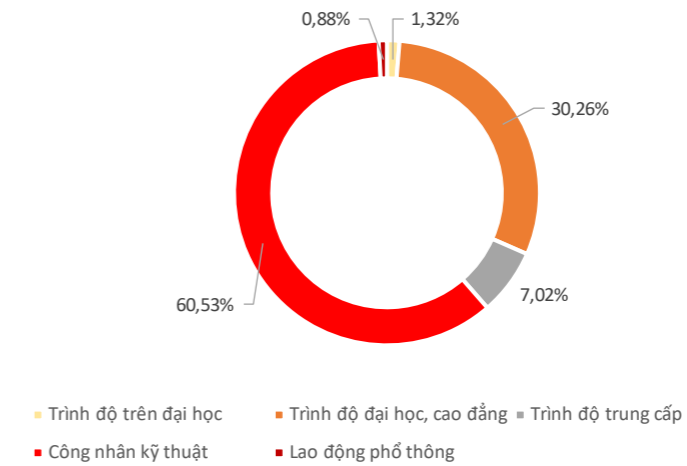
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	228	100,00
1	Trình độ trên đại học	3	1,32
2	Trình độ đại học, cao đẳng	69	30,26
3	Trình độ trung cấp	16	7,02
4	Công nhân kỹ thuật	138	60,53
5	Lao động phổ thông	2	0,88
II	Theo loại hợp đồng lao động	228	100,00
1	Hợp đồng không thời hạn	200	87,72
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	28	12,28
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	-
III	Theo giới tính	228	100,00
1	Nam	215	94,30
2	Nữ	13	5,70

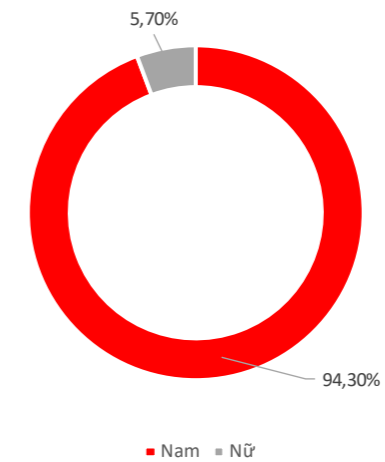
Thu nhập bình quân

STT	Năm	Số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2017	250	6.970.000
2	2018	242	8.114.000
3	2019	228	8.683.000

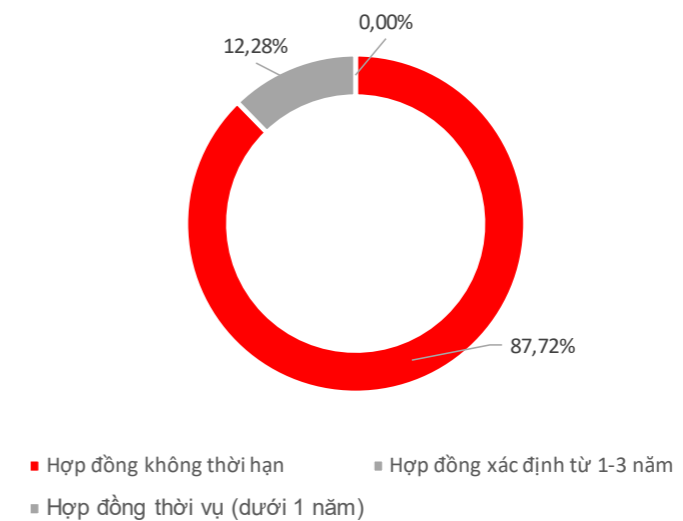
Phân loại theo trình độ lao động



Phân loại theo loại hợp đồng



Phân loại theo giới tính



Chính sách nhân sự

Về tuyển dụng, đào tạo:

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn để phù hợp với yêu cầu công việc thực tế nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

Về tuyển dụng, đào tạo:

Công ty tuân thủ các quy định hiện hành về việc áp dụng các chính sách lương phù hợp với vị trí công việc cán bộ công nhân viên và phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chăm lo cho sức khỏe công nhân bằng cách tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; nộp đầy đủ và đúng hạn BHXH, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn cho người lao động. Đối với công nhân làm việc tại xưởng, Công ty cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ lao động. Hàng năm, Cơ khí An Giang cũng tổ chức tham quan du lịch cho người lao động.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm
A	Các khoản phải thu ngắn hạn	95.650	86.829	-9,22%
1	Phải thu khách hàng	67.724	65.568	-3,18%
2	Trả trước cho người bán	1.359	530	-60,98%
3	Các khoản phải thu khác	28.563	22.858	-19,97%
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.996)	(2.128)	6,60%
B	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	-

Tính đến 31/12/2019, khoản phải thu của Công ty giảm 9,22% tương ứng với giảm hơn 8,8 tỷ đồng. Trong đó, khoản phải thu lớn nhất đến từ phải thu khách hàng chiếm hơn 75% tỷ trọng. Các khoản này phát sinh lớn trong năm 2018 chủ yếu từ các khách hàng mới với khoản thu hơn 35 tỷ đồng đến nay đã trả chỉ còn gần 4 tỷ đồng. Trong khi đó, ở năm 2019, Công ty phát sinh các khách hàng khác đến từ chính quyền huyện Thoại Sơn trong việc xây dựng 5 cây cầu trên địa bàn này với giá trị phải thu gần 14 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu

còn lại đến từ các khách hàng nhỏ lẻ cũng tăng từ 28,2 đến gần 40 tỷ. Ngoài ra, các khoản phải thu khác không có sự thay đổi đáng kể. Tuy tốc độ giảm khoản phải thu khách hàng ít hơn hơn tốc độ giảm doanh thu nhưng các khách hàng của Công ty đều là các tổ chức có uy tín với tài chính lành mạnh. Tính đến nay, Công ty không phát sinh các khoản phải thu dài hạn nào.



Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	% tăng giảm
A	Nợ ngắn hạn	101.777	99.059	-2,67%
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	53.442	34.005	-36,37%
2	Phải trả người bán	9.659	5.431	-43,77%
3	Người mua trả tiền trước	10.967	34.786	217,20%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.017	2.128	5,53%
5	Phải trả người lao động	646	1.645	154,62%
6	Chi phí phải trả	12.888	10.253	-20,45%
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.359	7.689	-8,02%
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.800	3.121	-17,85%
B	Nợ dài hạn	2.514	240	-90,47%
1	Phải trả dài hạn khác	2.514	90	-96,42%
2	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	150	-

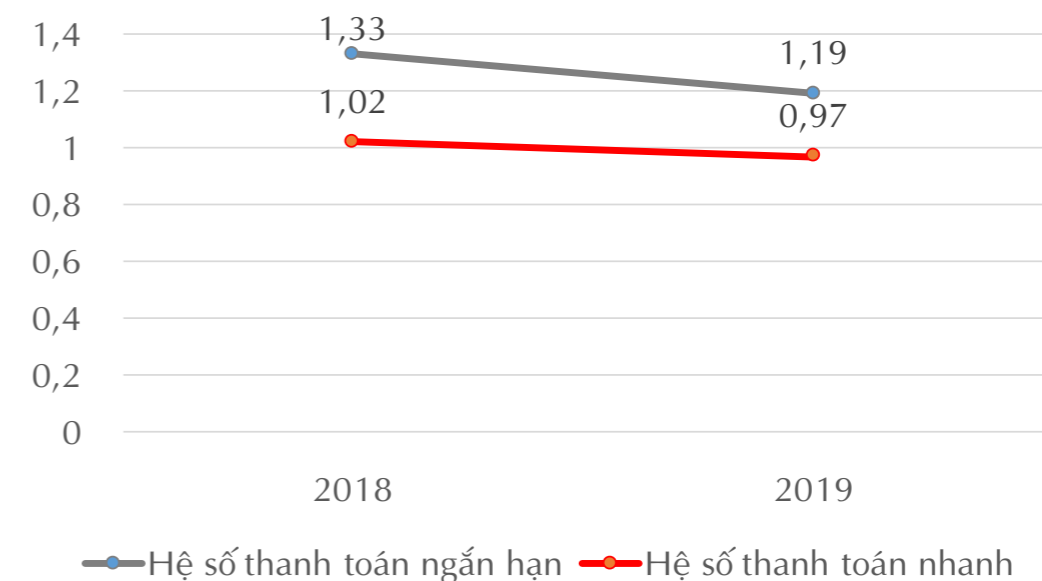
Khoản phải trả của Công ty gần như toàn bộ là nợ ngắn hạn. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính tính đến cuối năm 2019 đã giảm hơn 19 tỷ đồng đến từ việc Công ty thanh toán một lượng lớn nợ vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN

An Giang. Bên cạnh đó, chỉ tiêu người mua trả tiền trước cũng đáng lưu ý khi tăng từ gần 11 tỷ đồng lên đến 31,7 tỷ đồng. Các khoản phải trả còn lại hầu như không thay đổi đáng kể.



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,33	1,19
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,02	0,97
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	57,96%	54,72%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	137,84%	120,83%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,22	4,12
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,24	0,75
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,33%	11,57%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,48%	19,86%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	6,59%	8,67%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,79%	12,18%

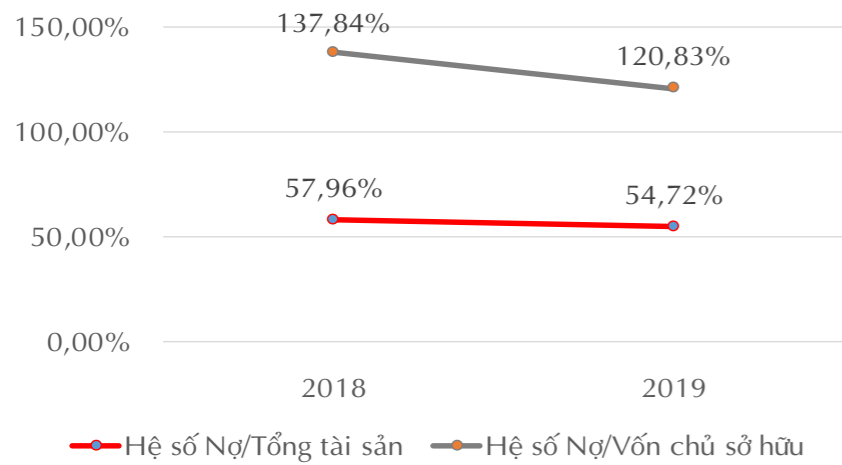
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Nhận thấy rõ, các hệ số thanh toán của Công ty trong những năm qua có xu hướng giảm tương đối. Cụ thể hơn, chỉ số thanh toán nhanh giảm từ 1,02 lần xuống còn 0,97 lần trong khi đó, chỉ số thanh toán ngắn hạn cũng giảm từ 1,33 lần xuống còn 1,19 lần. Tính

cuối năm 2019, tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều giảm nhưng giá trị giảm của tài sản ngắn hạn là nhiều hơn so với nợ ngắn hạn. Hiện tại, các khoản vay nợ ngắn hạn của Công ty vẫn chưa đến ngày đáo hạn cũng như vẫn đảm bảo khả năng chi trả của CKA.

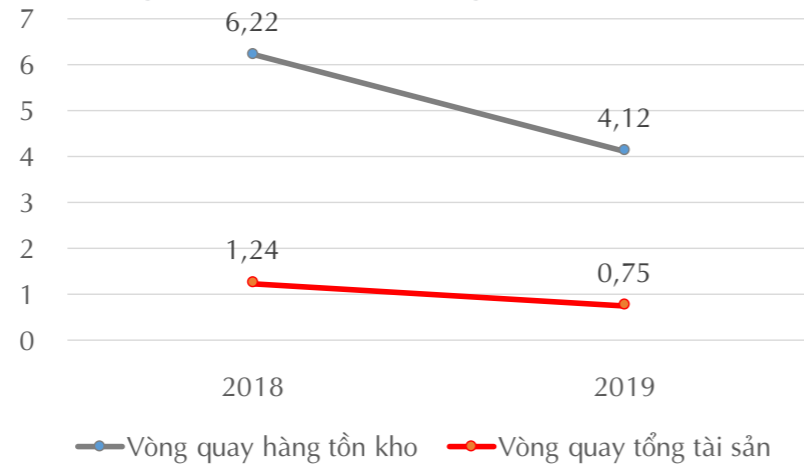
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



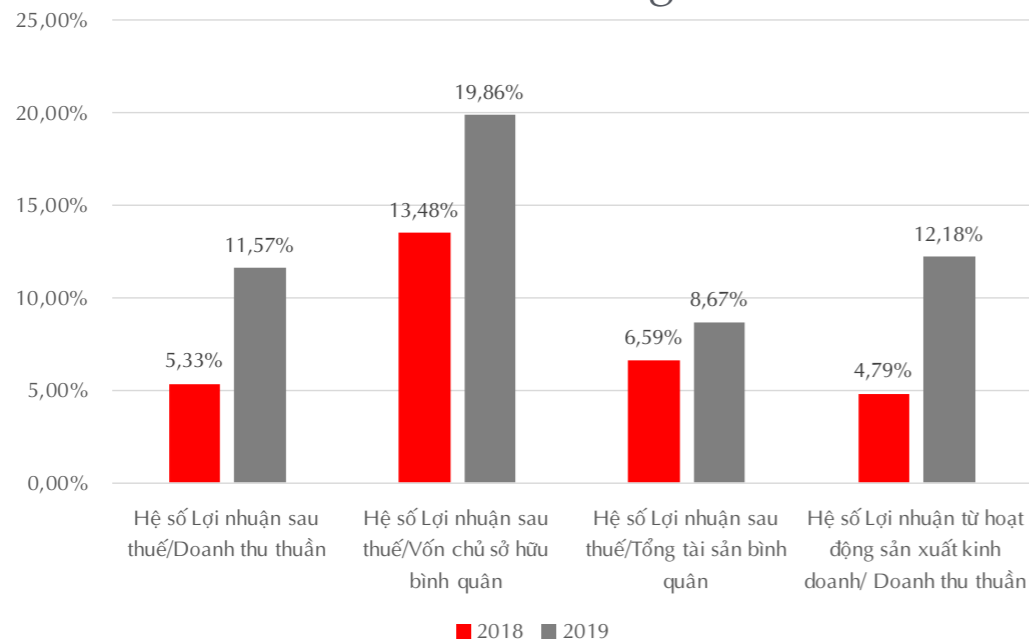
Về cơ cấu vốn, trong năm vừa qua, cả hai chỉ số này đều có sự giảm nhẹ khi Nợ phải trả/Tổng tài sản giảm 3,24% trong khi đó, Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu giảm 17,01%. Rõ nét hơn, nợ phải trả của CKA tính đến 31/12/2019 giảm gần 5 tỷ đồng trong khi tổng tài sản tăng hơn 1,5 tỷ đồng chủ yếu đến từ việc tăng tài sản dài hạn. Thêm vào đó, vốn chủ sở hữu của Công ty tại cuối năm nay cũng tăng hơn 6,5 tỷ đồng cũng là lý do khiến hệ số về cơ cấu vốn giảm.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Do trong năm qua, CKA đã mang lại mức doanh thu thấp hơn 29,68% so với năm 2018 đã khiến cho vòng quay tổng tài sản đã giảm từ 1,24 vòng xuống còn 0,75 vòng. Vòng quay hàng tồn kho cũng giảm từ 6,22 vòng xuống còn 4,12 vòng chủ yếu do giá vốn của hoạt động xây dựng giảm đáng kể.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Nhìn chung, trong năm vừa qua, các hệ số về khả năng sinh lời đều tăng đáng kể. Mặc dù mức doanh thu mang lại của Công ty ít hơn so với năm 2018 nhưng do cải thiện được hầu hết các chi phí khiến cho lợi nhuận sau thuế đã tăng lên đáng kể. Từ đó,

ROS đã tăng từ 5,33% lên đến 11,57% trong năm 2019. Bên cạnh đó, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu tính đến 31/12/2019 có tốc độ tăng không nhiều so với mức tăng lợi nhuận khiến cho ROA và ROE tăng lần lượt là 2,08% và 6,38%.

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I Cổ đông trong nước				
1	Cá nhân	1.581.058	15.810.580.000	48,11%
2	Tổ chức	1.684.946	16.849.460.000	51,27%
3	Nhà nước	-	-	0,00%
II Cổ đông nước ngoài				
1	Cá nhân	5.300	53.000.000	0,16%
2	Tổ chức khác	15.100	151.000.000	0,46%
Tổng cộng		3.286.404	32.864.040.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

Các chứng khoán khác : Không có

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chính sách liên quan người lao động

Ngoài các chế độ lương, thưởng phù hợp, Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, nhân viên, người lao động và trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân. Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn ở các bộ phận sản xuất, các thiết bị được

kiểm định về an toàn, trang bị các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định nhằm đảm bảo an toàn cho công nhân làm việc tại xưởng. Duy trì việc thực hiện tăng cường công tác an toàn, phòng chống cháy nổ trước và trong dịp Tết nguyên đán. Trong năm, Công ty không để xảy ra bất kì vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Đối với người lao động, Công ty luôn quan tâm và chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, giúp đỡ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Thưởng, tặng quà cho con em cán bộ nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi hoặc con em cán bộ có thành tích học tập tốt trong năm.

Hỗ trợ cho Trường học vùng sâu vùng xa, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện như thăm hỏi, tặng quà cho gia đình chính sách, xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà ở cho công nhân khó khăn,...
 Tại Công ty Liên doanh Antraco hỗ trợ đất đá cho công trình nông thôn mới ở các xã, trường học, đường nông thôn, nhà đồng đội, nhà cựu chiến binh.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	%TH 2019/ KH 2019	%TH 2019/ TH 2018
Tổng doanh thu	192.538	199.680	135.385	67,80%	70,32%
Lợi nhuận trước thuế	9.519	11.155	16.729	149,97%	175,74%
Lợi nhuận sau thuế	10.256	10.824	15.670	144,77%	152,79%
Tỉ lệ cổ tức	31,21%	32,94%	47,68%	144,77%	152,79%

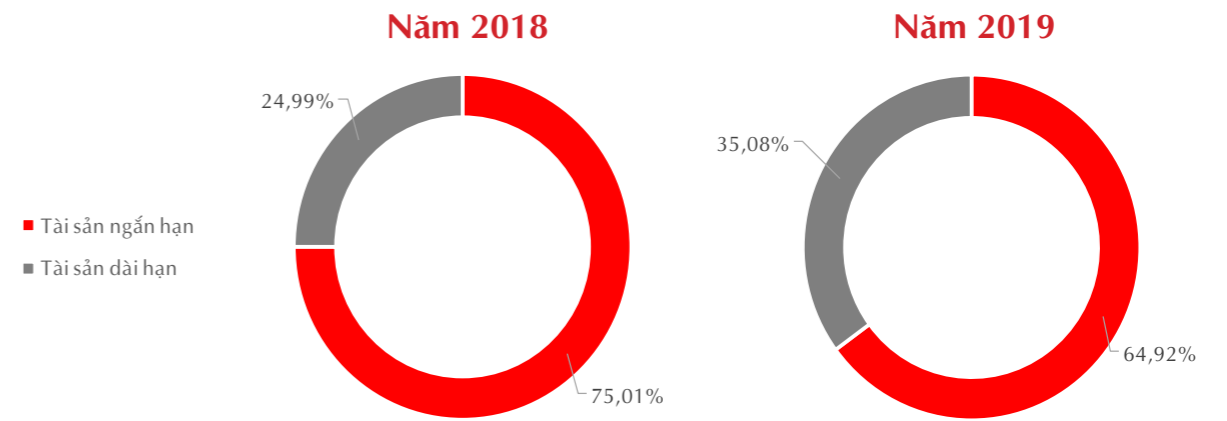
Trong năm qua, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã ghi nhận kết quả kinh doanh ổn định. Rõ nét hơn, tuy tổng doanh thu trong năm đạt gần 135,4 tỷ đồng, chỉ đạt 67,80% so với kế hoạch đặt ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2019 nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn đạt hơn 16,7 tỷ đồng, tăng 7,26 tỷ đồng so với thực hiện năm 2018. Lý giải cho việc này là do trong năm CKA

đã quản lý tốt giá nguyên vật liệu, vật tư đầu vào khiến cho giá vốn hàng bán giảm đáng kể chủ yếu là giá vật tư xây dựng cầu. Bên cạnh đó, các chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được Công ty kiểm soát tốt. Từ đó, lợi nhuận sau thuế đạt 15,67 tỷ đồng, tăng 52,79% so với năm 2018 và vượt 44,77% kế hoạch đặt ra đầu năm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		% tăng giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	134.984	75,01%	117.819	64,92%	-12,72%
Tài sản dài hạn	44.968	24,99%	63.661	35,08%	41,57%
Tổng tài sản	179.952	100,00%	181.481	100,00%	0,85%
Nợ ngắn hạn	101.777	97,59%	99.059	99,76%	-2,67%
Nợ dài hạn	2.514	2,41%	240	0,24%	-90,47%
Tổng nợ phải trả	104.291	100,00%	99.299	100,00%	-4,79%

Tình hình tài sản



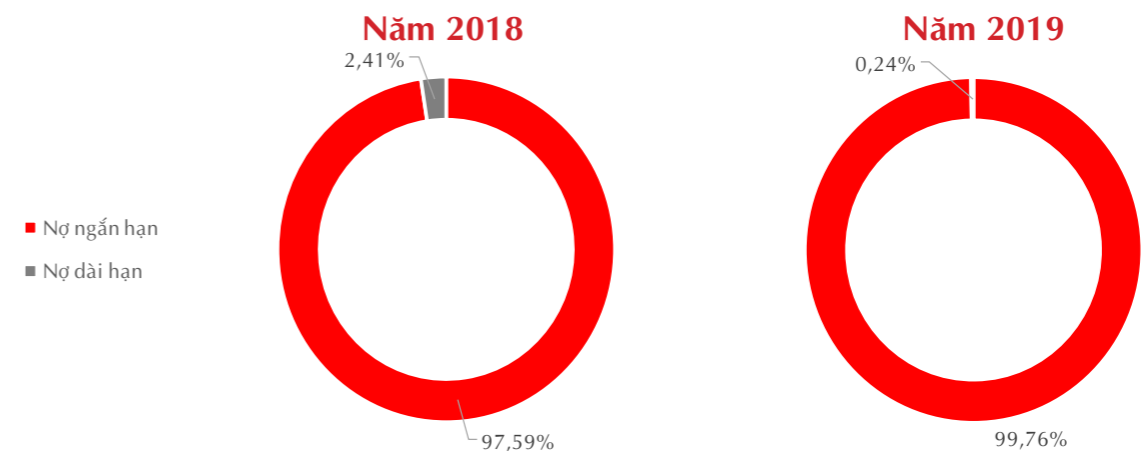
Tại thời điểm cuối năm 2019, tổng tài sản tăng 0,85% so với cùng kỳ năm 2018. Cơ cấu tài sản trong năm cũng có sự thay đổi khi tài sản ngắn hạn chiếm 64,92% và tài sản dài hạn chiếm 35,08%.

Tài sản ngắn hạn đạt hơn 117,8 tỷ đồng, giảm 12,72% chủ yếu đến từ việc giảm một lượng lớn hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn. Về hàng tồn kho, trong năm, Công ty đã chuyển hóa gần 9 tỷ đồng chi phí vật tư thành các dự án xây dựng cầu ở huyện

Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn hạn giảm do khoản phải thu khách hàng có giá trị hơn 35 tỷ đồng từ cuối năm 2018 đến nay đã được thanh toán còn 3,95 tỷ đồng.

Tài sản dài hạn trong năm 2019 đã tăng 41,57% so với cùng kỳ năm trước đó. Trong đó, tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản dài hạn. Chỉ tiêu này tăng hơn 25,4 tỷ đồng góp phần làm tăng tài sản dài hạn

Tình hình nợ



Về nợ phải trả, tính đến 31/12/2019, tổng nợ phải trả giảm 4,79% so với cùng thời điểm tại năm 2018. Cụ thể hơn, nợ ngắn hạn giảm hơn 2,7 tỷ đồng chủ yếu đến từ các khoản vay tài chính của ngân hàng đã được thanh toán gần hết và Công ty trong năm vừa

qua cũng có nhu cầu vay vốn ít hơn so với năm 2018. Hiện nay, các khoản vay còn lại của CKA tại ngân hàng vẫn chưa đến thời điểm đáo hạn. Nợ dài hạn trong năm của Công ty cũng đã giảm hơn 2,5 tỷ đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Thị trường kinh doanh

Công ty vẫn tiếp tục ứng dụng internet nói chung và các kênh mạng xã hội nói riêng như web, facebook, zalo, youtube để giới thiệu các sản phẩm, thực hiện các quảng bá về Công ty cũng như tuyển dụng.

Sử dụng kênh phân phối các sản phẩm của Công ty đến người tiêu dùng thông qua các Trung tâm Khuyến nông, khách hàng thân thiết, đại lý. Công ty tiếp tục chính sách giá theo thị trường nhằm củng cố và mở rộng thị trường.

Thường xuyên phối hợp với các đại lý công ty, các Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Xúc tiến Thương mại, các kênh công nghệ, diễn đàn có liên quan đến ngành cơ khí để nắm rõ nhu cầu thị trường, đặc biệt là người nông dân.

Tiếp tục làm tốt công tác quan hệ với các địa phương đối với sản phẩm cầu thép.



Nghiên cứu phát triển

Công ty vẫn khuyến khích nhân viên trong Công ty nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới phục vụ cho thu hoạch, sau thu hoạch, các máy phục vụ sản xuất và cầu thép phục vụ giao thông nông thôn. Công ty vẫn duy trì các chính sách thưởng, tuyên dương đối với các cá nhân, tập thể tham gia nghiên cứu, chế tạo sản phẩm mới kèm với việc tổ chức các buổi chạy thử nghiệm các sản phẩm mới thiết kế.

Công tác tổ chức

Công tác quản lý và điều hành các hoạt động toàn Công ty luôn được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành đặt nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Trong năm, Công ty có tuyển dụng công nhân mới, nhưng do có thay đổi nhân sự quá nhiều, công nhân mới thì chưa quen việc và chưa có kinh nghiệm trong công tác. Từ đó làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của công ty. Trong năm tiếp theo, Ban Điều hành sẽ cần thay đổi, cải thiện công tác tổ chức để phù hợp quy định lao động cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trong năm tiếp theo, Ban Điều hành cần phải tăng cường chú ý những biến động có thể tác động đến Công ty như tỷ giá tiền tệ, giá cả, lạm phát. Bên cạnh đó, tình hình dịch bệnh Covid 19 cũng có nguy cơ làm ảnh hưởng nhiều đến khách hàng của Công ty và gián tiếp gây khó khăn đến CKA. Một số giải pháp thực hiện nhằm cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.
- Lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của pháp luật.
- Điều hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thị trường, nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.
- Tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tự động hoá, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện điều kiện lao động, tăng năng lực sản xuất và thân thiện với môi trường, đầu tư xây dựng nâng cấp nhà xưởng và các trang bị nhỏ lẻ phục vụ cho sản xuất thường xuyên.

Ban Giám đốc điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, quy chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Kinh doanh trong lĩnh vực cơ khí, rủi ro về cháy nổ, tai nạn lao động khá cao. Vì thế, năm vừa qua, CKA vẫn tiếp tục duy trì thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không để xảy ra tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào. Công ty cũng trích quỹ để trang bị cho người lao động đồ bảo hộ, định kỳ theo kế hoạch thực hiện kiểm tra an toàn ở các bộ phận sản xuất, xưởng chế tạo. Các máy móc thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng; thay thế khi đã cũ hoặc lỗi. Các máy móc khi mới được chế tạo phải kiểm duyệt nhiều lần trước khi đem vào sử dụng hoặc bán. Bên cạnh đó, CKA cũng tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong Công ty. Thực hiện kế hoạch về việc tăng cường công tác an toàn, phòng chống cháy nổ trước và trong dịp tết Nguyên Đán năm 2019, Công ty đã tổ chức trực tết đảm bảo tốt an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ; triển khai kế hoạch công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ năm 2019.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH 2019

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT TRONG NĂM



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2019	KH 2019	% Tăng giảm TH2019/TH2018
Doanh thu thuần	192.538	135.385	199.680	-29,68%
Giá vốn bán hàng	169.170	107.164	169.410	-36,65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.225	16.486	-	78,70%
Lợi nhuận khác	293	243	-	-17,22%
Lợi nhuận trước thuế	9.519	16.729	11.155	75,75%
Lợi nhuận sau thuế	10.256	15.670	10.824	52,79%

Tổng kết năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy nhiều chỉ tiêu quan trọng đã đạt và vượt kế hoạch. Tuy nhiên, hiện vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch cần phải cải thiện trong thời gian tới.

Cụ thể hơn, tổng doanh thu trong năm vừa qua chỉ đạt hơn 135,4 tỷ đồng, thấp hơn thực hiện ở năm 2018 là 76,4 tỷ đồng và chỉ đạt 72,72% so với kế hoạch đặt ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2019. Lý do là trong thời gian gần đây, việc cạnh tranh trong lĩnh vực cơ khí nông nghiệp ngày càng mạnh khi có sự gia nhập của các doanh nghiệp nước ngoài có trình độ công nghệ tiên tiến. Đơn cử là các loại máy gặt đến từ thương hiệu Kubota hầu như chiếm hơn nửa thị trường Việt Nam đã gây khó khăn cho các doanh

nh nghiệp như CKA. Vì vậy, CKA cần phải có những cải tiến trong sản xuất, mở rộng các dịch vụ chăm sóc khách hàng; bảo trì, bảo dưỡng máy khi cần thiết cho khách hàng.

Mặc dù tổng doanh thu năm 2019 giảm đi đáng kể nhưng với sự kiểm soát tốt giá vốn hàng bán đặc biệt là giá vật tư xây dựng đã mang lại cho CKA một mức lợi nhuận tăng đáng kể. Rõ nét hơn, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng gấp 1,79 lần so với năm 2018, đạt giá trị gần 16,5 tỷ đồng. Thêm vào đó, các chi phí phát sinh trong năm cũng giảm đáng kể giúp mang lại lợi nhuận sau thuế đạt 15,67 tỷ đồng, vượt kế hoạch đặt ra ở đầu năm là 4,8 tỷ đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2019, Ban Điều hành cùng với các cán bộ chủ chốt, toàn thể người lao động ở Công ty đã tích cực triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm 2019 và những vấn đề về quản trị phát triển Công ty.

Hoạt động điều hành trong năm của Ban Giám đốc tương đối đồng bộ; Việc sắp xếp bộ máy và phân công người làm tương đối hợp lý; Việc đầu tư máy móc thiết bị ngày càng hiệu quả nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động và giúp tiết giảm chi phí cho CKA cũng như đảm bảo an toàn cho người lao động.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI
ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT

Tính đến 26/04/2019

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Vạn Tuấn Anh	Chủ tịch	-	-
2	Nguyễn Chí Thành	Thành viên	120.108	3,65%
3	Trần Văn Thái	Thành viên	58.275	1,77%
4	Lê Thanh Vân	Thành viên	92.615	2,82%
5	Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên	-	-

* Ông Trần Vạn Tuấn Anh và Ông Nguyễn Minh Ngọc đại diện vốn của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM) là 1.558.072 CP, tỷ lệ 47,41% nên không có số lượng sở hữu cụ thể

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tính đến 05/04/2019

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Quách Kim Long	Trưởng ban	18.354	0,56%
2	Nguyễn Thanh Vi	Kiểm soát viên	9.034	0,27%
3	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Kiểm soát viên	-	-



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Đối với Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và Giám đốc các Công ty con tham gia, đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền,

phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty để định hướng hoạt động cho BĐH.

Các thành viên HĐQT không có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hoặc xung đột lợi ích với Công ty.

Đánh giá chung, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao. Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019.

Đối với Ban điều hành

Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019: Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT để đưa ra các biện pháp chỉ đạo các phòng ban chủ động trong công việc; áp dụng các biện pháp để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí và kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất. Vì vậy, về cơ bản, Công ty đã hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 giao với tổng lợi nhuận sau thuế đạt 15.670 triệu đồng, bằng 152,79% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 144,77% so với kế hoạch năm.

Về công tác tài chính: Ban điều hành tích cực thu hồi công nợ, giảm lãi vay ngân hàng và giảm áp lực về dòng tiền trả nợ.

Về công tác đầu tư: Công ty chỉ tập trung vào công việc ổn định và hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh nên không có khoản đầu tư nào.

Về công tác nhân sự: Ban điều hành đã đề nghị Hội đồng quản trị phê duyệt thay đổi nhân sự, bổ nhiệm thêm 01 Phó giám đốc phù hợp với các quy định và quy chế của Công ty.

Đánh giá chung: Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Ban điều hành đã ban hành các Quyết định, tờ trình theo đúng thẩm quyền. phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên Ban điều hành cũng như các bộ phận quản lý không có những hành vi lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hoặc xung đột lợi ích với Công ty.

Trong năm, Công ty không có giao dịch của cổ đông lớn, cổ đông nội bộ.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN



Số: 1016/2020/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh VI.3 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính thể hiện rằng doanh thu hoạt động tài chính của Công ty bao gồm số lợi nhuận dự tính được chia từ Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 của Công ty TNHH Liên doanh Antraco với số tiền là 16.264.120.697 đồng. Chênh lệch giữa số liệu dự tính và lợi nhuận được chia chính thức sẽ được điều chỉnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm tiếp theo.

Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của việc Công ty bị truy thu phần thu nhập từ việc sử dụng đất sai mục đích trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước giai đoạn 2011-2017 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IX tại công văn số 07/KV IX-TH ngày 1 tháng 3 năm 2019. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình giải trình với Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền truy thu trị giá 483.727.404 đồng và chưa có quyết định chính thức về việc này. Ban Giám đốc Công ty cam kết sẽ trình Đại Hội Cổ Đông trong cuộc họp sắp tới về việc sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán để bù trừ cho khoản tổn thất (nếu có) trong tương lai để không bị ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2018-072-1

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2019-072-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.819.361.587	134.984.022.960
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.090.306.297	8.400.573.499
1. Tiền	111	V.1	9.090.306.297	8.400.573.499
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.828.870.185	95.649.871.067
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	65.568.228.507	67.723.876.625
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	530.374.136	1.359.327.925
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	22.858.054.151	28.562.725.952
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(2.127.786.609)	(1.996.059.435)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	21.353.088.200	30.717.295.897
1. Hàng tồn kho	141		22.685.597.827	31.681.370.468
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.332.509.627)	(964.074.571)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		147.096.905	216.282.497
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	96.919.097	216.282.497
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8a	50.177.808	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		63.661.451.230	44.967.948.253
I. Tài sản cố định	220		21.899.417.228	23.979.552.150
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.899.417.228	23.979.552.150
- Nguyên giá	222		48.466.116.722	48.201.415.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.566.699.494)	(24.221.863.070)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.588.969.780	4.156.913.372
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	29.588.969.780	4.156.913.372
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	7.956.213.357	11.817.812.175
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	7.956.213.357	11.817.812.175
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.216.850.865	5.013.670.556
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	3.554.517.392	4.038.538.967
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13a	662.333.473	975.131.589
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		181.480.812.817	179.951.971.213

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		99.298.533.914	104.291.336.780
I. Nợ ngắn hạn	310		99.058.847.911	101.777.415.380
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	5.431.356.093	9.659.050.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	34.786.177.875	10.966.616.331
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8b	2.128.376.627	2.016.882.229
4. Phải trả người lao động	314		1.644.502.842	645.869.782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.252.893.624	12.888.105.389
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	7.689.193.072	8.359.218.608
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	34.004.904.426	53.442.138.737
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.121.443.352	3.799.533.707
II. Nợ dài hạn	330		239.686.003	2.513.921.400
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	90.000.000	2.513.921.400
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13b	149.686.003	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.182.278.903	75.660.634.433
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	82.093.740.000	75.646.895.530
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.003.750.487	13.653.223.581
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	3.418.232.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.807.717.390	25.711.399.826
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.138.591.826	21.789.097.068
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.669.125.564	3.922.302.758
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		88.538.903	13.738.903
2. Nguồn kinh phí	431		88.538.903	13.738.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		181.480.812.817	179.951.971.213

Phan Thị Tuyết Vân
Người lập biểu

Phan Thị Tuyết Vân
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	135.407.246.660	192.552.548.238
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	22.500.000	14.194.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	135.384.746.660	192.538.353.838
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	107.163.595.241	169.170.121.382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28.221.151.419	23.368.232.456
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.980.034.583	19.680.628.818
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.383.454.341	2.459.410.004
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.379.203.821	2.453.944.938
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.861.598.818)	(4.879.075.825)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.660.754.194	5.134.814.471
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.809.554.728	21.350.279.569
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		16.485.823.921	9.225.281.405
12. Thu nhập khác	31	VI.7	335.297.478	305.112.276
13. Chi phí khác	32	VI.8	92.481.301	11.797.973
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		242.816.177	293.314.303
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.728.640.098	9.518.595.708
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	595.976.603	214.538.791
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.13	462.484.119	(951.741.792)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		15.670.179.376	10.255.798.709
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		15.670.179.376	10.255.798.709
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	3.962	2.243


Phan Thị Tuyết Vân
Người lập biểuPhan Thị Tuyết Vân
Trưởng phòng TCKTNguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2019	2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.728.640.098	9.518.595.708
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.039.129.517	2.764.848.808
Các khoản dự phòng	03	500.162.230	1.095.659.009
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(5.900.089)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.106.708.464)	(14.744.750.802)
Chi phí lãi vay	06	2.379.203.821	2.453.944.938
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.540.427.202	1.082.397.572
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	2.256.591.700	(30.656.976.811)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	8.995.772.641	(7.556.396.760)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.740.574.475	20.271.658.058
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	603.384.975	(773.145.846)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.378.694.308)	(2.455.674.672)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(214.538.791)	(174.223.327)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	74.800.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.328.617.261)	(2.495.874.271)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.289.700.633	(22.758.236.057)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.493.248.220)	(9.185.179.876)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	97.893.692	27.565.059
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(400.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.205.429.004	15.136.246.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.589.925.524)	5.978.631.430

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2019	2018
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	68.198.766.398	118.464.544.022
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(87.636.000.709)	(89.222.103.027)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.572.808.000)	(8.216.010.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.010.042.311)	21.026.430.995
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	689.732.798	4.246.826.368
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.400.573.499	4.147.847.042
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	5.900.089
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	9.090.306.297	8.400.573.499

Phan Thị Tuyết Vân
Người lập biểu

Phan Thị Tuyết Vân
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Mẫu số B 09 - DN/HN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần thay đổi.

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 VND, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
1. Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	49%	50%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 do đó thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh** (tiếp theo)

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thuDoanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các Khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài Khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	458.151.135	338.167.868
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.632.155.162	8.062.405.631
Cộng	9.090.306.297	8.400.573.499
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Khách hàng là bên liên quan		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	72.238.000
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	232.207.350	682.473.200
Khách hàng khác		
Phòng Kinh tế Hạ Tầng - huyện Thoại Sơn	8.644.284.636	
Công ty Cổ phần Xây dựng An Đại Lộc	7.419.066.300	
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	5.353.952.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chuyển giao Công nghệ Thủy Lợi	2.009.145.000	20.062.317.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đê kè và Phát triển Nông thôn Hải Dương	1.950.436.000	15.727.163.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Phan Vinh	-	2.952.000.000
Các khách hàng khác	39.959.137.221	28.227.685.425
Cộng	65.568.228.507	67.723.876.625
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Người bán là bên liên quan		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	553.836.024
Người bán khác		
Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công	130.000.000	130.000.000
Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh	70.000.000	70.000.000
Các nhà cung cấp khác	330.374.136	605.491.901
Cộng	530.374.136	1.359.327.925

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. Phải thu khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận từ công ty liên doanh	21.264.120.697	27.306.939.323
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	43.499.500	233.499.071
Tạm ứng cho nhân viên	628.267.610	619.397.273
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	600.667.000	78.172.008
Phải thu về cổ phần hóa	298.339.936	298.339.936
Các khoản phải thu khác	23.159.408	26.378.341
Cộng	22.858.054.151	28.562.725.952
<i>Trong đó, phải thu khác với bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	21.264.120.697	27.306.939.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. Nợ xấu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.336.723.962	208.937.353	2.977.993.962	981.934.527
		(2.127.786.609)		(1.996.059.435)

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.804.834.352	-	7.367.672.098	-
Công cụ, dụng cụ	174.277.874	-	180.494.789	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.240.036.247	-	18.448.372.864	-
Thành phẩm	4.434.674.964	(1.332.509.627)	2.817.726.532	(964.074.571)
Hàng hóa	3.031.774.390	-	2.867.104.185	-
Cộng	22.685.597.827	(1.332.509.627)	31.681.370.468	(964.074.571)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	96.919.097	216.282.497
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, thuê đất chờ phân bổ (i)	2.291.666.667	2.752.641.307
Chi phí sửa chữa tài sản	205.151.993	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.057.698.732	1.285.897.660
Cộng	3.554.517.392	4.038.538.967

(i) Đây là chi phí giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất để thực hiện xây dựng cửa hàng trưng bày, giới thiệu các loại xe ô tô và cung cấp các dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp các phụ tùng, phụ kiện thay thế cho các loại xe ô tô.

8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	50.177.808	50.177.808
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.791.898.938	2.430.732.461	2.690.231.375	1.532.400.024
Thuế thu nhập doanh nghiệp	214.538.791	595.976.603	214.538.791	595.976.603
Thuế thu nhập cá nhân	10.444.500	615.155.098	625.599.598	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.804.096.816	1.804.096.816	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.016.882.229	5.448.960.978	5.337.466.580	2.128.376.627

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. Tài sản cố định hữu hình

	31/12/2019		01/01/2019		Cộng VND
	Giá gốc VND	Giá trị còn lại VND	Giá gốc VND	Giá trị còn lại VND	
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2019	15.698.551.936	15.698.551.936	15.698.551.936	15.698.551.936	15.698.551.936
Tăng trong năm	702.209.508	-	327.482.304	-	327.482.304
Thanh lý nhượng bán	-	-	(796.490.310)	-	(796.490.310)
Tại ngày 31/12/2019	16.400.761.444	16.400.761.444	25.099.647.884	25.099.647.884	25.099.647.884
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2019	8.137.181.782	8.137.181.782	11.231.916.498	11.231.916.498	11.231.916.498
Khấu hao trong năm	565.916.271	-	1.879.267.240	1.879.267.240	1.879.267.240
Thanh lý nhượng bán	-	-	(694.293.093)	-	(694.293.093)
Tại ngày 31/12/2019	8.703.098.053	8.703.098.053	12.416.890.645	12.416.890.645	12.416.890.645
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	7.561.370.154	7.561.370.154	14.336.739.392	14.336.739.392	14.336.739.392
Tại ngày 31/12/2019	7.697.663.391	7.697.663.391	12.682.757.239	12.682.757.239	12.682.757.239

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.860.351.838 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 5.531.904.433 VND).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 439.205.052 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 là 405.734.904 VND).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.18, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 lần lượt là 11.085.813.207 đồng và 3.391.615.055 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 3.224.508.194 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2019	65.000.000
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2019	65.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	65.000.000
Giảm trong năm	-
Tại ngày 31/12/2019	65.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2019	-
Tại ngày 31/12/2019	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Dự án xây dựng trạm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô (i)	29.068.369.780	2.512.217.127
Khu dân cư Cơ khí An Giang	520.600.000	520.600.000
Công trình khác	-	1.124.096.245
Cộng	29.588.969.780	4.156.913.372

(i) Đây là Dự án được thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (Toyota Cần Thơ) để xây dựng cửa hàng trưng bày, giới thiệu các loại xe ô tô, cung cấp các dịch vụ bảo hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa và cung cấp các phụ tùng, phụ kiện thay thế cho các loại xe ô tô. Công ty góp bằng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với giá trị 2.500.000.000 đồng. Toyota Cần Thơ góp vốn bằng tiền mặt với giá trị 45.000.000.000 đồng để chi trả các chi phí xây dựng. Công ty chịu trách nhiệm kế toán cho hoạt động hợp tác kinh doanh này.

Mẫu số B 09 - DN/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2019	01/01/2019
Giá gốc VND	7.956.213.357	(i) 7.956.213.357
Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	-	3.861.598.818
Giá trị hợp lý VND	-	-
Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	7.956.213.357	11.817.812.175

Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. Thuế thu nhập hoãn lại**a. Tài sản thuế hoãn lại**

Tại ngày 01/01/2018
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm

Tại ngày 01/01/2019
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm

Tại ngày 31/12/2019

b. Thuế hoãn lại phải trả

Tại ngày 01/01/2018
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm

Tại ngày 01/01/2019
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm

Tại ngày 31/12/2019

Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất	Các khoản dự phòng	Cộng VND
23.389.797	-	23.389.797
20%	20%	20%
(497.152.190)	(454.589.602)	(951.741.792)
520.541.987	454.589.602	975.131.589
20%	20%	20%
509.573.598	(196.775.482)	312.798.116
10.968.389	651.365.084	662.333.473
-	-	-
20%	20%	20%
-	-	-
20%	20%	20%
149.686.003	-	149.686.003
149.686.003	-	149.686.003
-	-	-
-	-	-
462.484.119	-	462.484.119

25

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả	Giá trị ghi sổ	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Người bán là bên liên quan				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	324.934.250	324.934.250	221.755.050	221.755.050
Người bán khác				
Công ty TNHH TM DV 67 Long Xuyên	1.095.406.152	1.095.406.152	-	-
Công ty TNHH ĐT TM DV SX Thiên Lộc Phát	93.500.000	93.500.000	2.173.279.283	2.173.279.283
Công ty TNHH VinaSteel	70.412.500	70.412.500	1.870.412.500	1.870.412.500
Các nhà cung cấp khác	3.847.103.191	3.847.103.191	5.393.603.764	5.393.603.764
Cộng	5.431.356.093	5.431.356.093	9.659.050.597	9.659.050.597

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Người mua là bên liên quan		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	210.000.000	-
Người mua khác		
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (i)	31.890.007.200	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Thủy lợi Hưng Yên	550.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Sông Hậu	381.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	-	7.476.782.000
Phòng Kinh tế Hạ Tầng - huyện Thoại Sơn	-	2.451.962.364
Các khách hàng khác	1.755.170.675	1.037.871.967
Cộng	34.786.177.875	10.966.616.331

(i) Đây là khoản trả tiền trước của Công ty TNHH Toyota Cần Thơ để thực hiện chuyển nhượng tài sản trong tương lai.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	8.989.459.763	11.654.656.041
Chi phí lãi vay	1.105.933.861	1.105.424.348
Chi phí phải trả khác	157.500.000	128.025.000
Cộng	10.252.893.624	12.888.105.389

Trong đó, chi phí phải trả với các bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1.100.000.000	1.100.000.000
--	---------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. Phải trả khác	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.634.811.183
Lãi liên doanh trước cổ phần hóa phải trả về Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	406.081.488	406.081.488
Bảo hiểm xã hội	40.551.464	-
Các khoản khác	107.748.937	318.325.937
Cộng	7.689.193.072	8.359.218.608
a. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	-
Nhận vốn hợp tác kinh doanh	-	2.513.921.400
Cộng	90.000.000	2.513.921.400
Trong đó, phải trả khác với các bên liên quan		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	406.081.488	406.081.488

Mau số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	23.030.770.625	23.030.770.625	62.018.954.664	77.676.452.644
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Xuyên	2.476.276.752	2.476.276.752	6.179.811.734	6.457.405.114
Cộng	25.507.047.377	25.507.047.377	68.198.766.398	84.133.857.758
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	8.497.857.049	8.497.857.049		12.000.000.000
Cộng	34.004.904.426	34.004.904.426		53.442.138.737

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	8.497.857.049	8.497.857.049	-	3.502.142.951
Cộng	8.497.857.049	8.497.857.049	-	3.502.142.951
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	(8.497.857.049)	(8.497.857.049)		(12.000.000.000)
Tổng cộng	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	20.454.292.828	6 tháng	31/05/2020	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 7%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản trên đất và máy móc thiết bị đang được sử dụng tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, xóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	2.576.477.797	4 tháng	30/04/2020	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong kỳ là 7,2%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Hàng hóa, tài sản trên đất và máy móc thiết bị đang được sử dụng tại địa chỉ số 1785 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Xuyên	2.476.276.752	6 tháng	10/04/2020	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong kỳ là 7%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Thế chấp bằng các tài sản sau: - Xe đào Kobelco - Ponton đặt cầu - Búa 2,5 tấn Mitsubishi
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	8.497.857.049	1 năm	Đã đến hạn thanh toán	5,00%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản thế chấp

2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. Vốn chủ sở hữu**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	32.864.040.000	11.067.439.602	2.556.304.130	30.005.107.068	76.492.890.800
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.255.798.709	10.255.798.709
Chia cổ tức	-	-	-	(8.216.010.000)	(8.216.010.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	2.585.783.979	861.927.993	(3.447.711.972)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.885.783.979)	(2.885.783.979)
Tại ngày 01/01/2019	32.864.040.000	13.653.223.581	3.418.232.123	25.711.399.826	75.646.895.530
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.670.179.376	15.670.179.376
Chia cổ tức	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (i)	-	2.350.526.906	-	(2.350.526.906)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(2.650.526.906)	(2.650.526.906)
Tại ngày 31/12/2019	32.864.040.000	16.003.750.487	3.418.232.123	29.807.717.390	82.093.740.000

(i) Trong năm, Công ty đã tạm trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty và các Công ty con. Số liệu cuối cùng về việc trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Tỷ lệ	Giá trị VND	Tỷ lệ	Giá trị VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	47,41%	15.580.720.000	47,41%	15.580.720.000
Vốn góp của cổ đông khác	52,59%	17.283.320.000	52,59%	17.283.320.000
Cộng	100,00%	32.864.040.000	100,00%	32.864.040.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

d. Cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện việc chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 4 năm 2019 với tỷ lệ 20% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 6.572.808.000 đồng. Cổ tức của năm 2019 sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2019	2018
	VND	VND
Doanh thu xây dựng các loại cầu	93.035.129.819	124.852.940.995
Doanh thu bán thành phẩm	26.122.661.049	47.954.480.946
Doanh thu bán hàng hóa	13.699.746.699	19.064.234.116
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.549.709.093	680.892.181
Cộng	135.407.246.660	192.552.548.238

Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá hàng bán	22.500.000	-
Chiết khấu thương mại	-	14.194.400
Cộng	22.500.000	14.194.400

Doanh thu thuần

	135.384.746.660	192.538.353.838
--	------------------------	------------------------

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	118.534.546
--	---	-------------

2. Giá vốn hàng bán

	2019	2018
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	72.164.458.589	113.512.301.572
Giá vốn bán thành phẩm	21.602.052.148	37.956.091.463
Giá vốn bán hàng hóa	12.493.367.574	17.701.728.347
Giá vốn cung cấp dịch vụ	903.716.930	-
Cộng	107.163.595.241	169.170.121.382

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận từ liên doanh Antraco (i)	16.264.120.697	19.282.109.323
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	708.490.110	325.678.095
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.423.776	32.948.961
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	5.900.089
Doanh thu tài chính khác	-	33.992.350
Cộng	16.980.034.583	19.680.628.818

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	16.264.120.697	14.687.094.425
---------------------------------	----------------	----------------

(i) Lợi nhuận được chia từ Antraco trong năm gồm:

- Lợi nhuận bổ sung năm trước; và	-	4.879.075.825
- Lợi nhuận tạm ước tính của năm nay	16.264.120.697	14.403.033.498
Cộng	16.264.120.697	19.282.109.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. Chi phí tài chính

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	2.379.203.821	2.453.944.938
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.250.520	5.465.066
Cộng	2.383.454.341	2.459.410.004

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	552.534.245	629.132.421
--	-------------	-------------

5. Chi phí bán hàng

	2019 VND	2018 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	987.109.000	3.531.350.640
Chi phí nhân viên	477.170.870	544.150.951
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.502.672	31.133.535
Chi phí vật liệu bao bì	22.895.000	17.703.729
Chi phí vận chuyển, thử tải	920.318.604	702.822.781
Chi phí bảo hành	86.084.596	158.647.997
Chi phí bằng tiền khác	144.673.452	149.004.838
Cộng	2.660.754.194	5.134.814.471

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.010.619.400	12.586.752.453
Chi phí đồ dùng văn phòng	161.903.417	155.038.833
Chi phí khấu hao TSCĐ	745.140.960	533.478.365
Thuế, phí và lệ phí	1.420.382.660	1.655.931.822
Chi phí dự phòng	140.960.774	1.832.671.767
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.526.780.237	2.194.080.590
Chi phí bằng tiền khác	1.803.767.280	2.392.325.739
Cộng	19.809.554.728	21.350.279.569

7. Thu nhập khác

	2019 VND	2018 VND
Thu hỗ trợ thực hiện đề án khuyến nông quốc gia	195.000.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	97.893.692	27.565.059
Thu hồi nợ đã xóa sổ	-	225.372.000
Thu nhập khác	42.403.786	52.175.217
Cộng	335.297.478	305.112.276

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. Chi phí khác

	2019 VND	2018 VND
Các khoản phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	71.435.743	-
Các khoản chi phí khác	21.045.558	11.797.973
Cộng	92.481.301	11.797.973

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.728.640.098	9.518.595.708
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	1.289.597.150	3.574.455.184
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(16.283.063.122)	(19.375.632.081)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	3.861.598.818	4.879.075.825
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	682.019.457	-
(Lãi)/lỗ chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	(3.298.909.385)	2.600.837.515
Thu nhập chịu thuế	2.979.883.016	1.197.332.151
Chuyển lỗ	-	(124.638.197)
Thu nhập tính thuế	2.979.883.016	1.072.693.954
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	595.976.603	214.538.791
Chi phí thuế TNDN hiện hành	595.976.603	214.538.791

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	15.670.179.376	10.255.798.709
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(2.650.526.906)	(2.885.783.979)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.019.652.470	7.370.014.730
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.962	2.243

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ. Số trích lập của năm 2019 sẽ được Công ty ghi nhận chính thức căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết thuê hoạt động**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.804.096.816	1.852.275.530

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trong vòng một năm	1.990.789.752	1.990.789.752
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.963.159.008	7.963.159.008
Sau năm năm	13.849.967.847	15.840.757.417
Cộng	23.803.916.607	25.794.706.177

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052 m² đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m² đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m² đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m² đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Trả tiền vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Bù trừ công nợ phải thu và gốc vay	502.142.951	-
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Thu lãi liên doanh	22.306.939.323	15.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	2019 VND	2018 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.387.453.782	2.057.501.740

3. Các khoản nợ tiềm tàng

Theo công văn số 07/KV IX-TH ngày 1 tháng 3 năm 2019 của Kiểm toán Nhà nước khu vực IX về việc gửi dự thảo báo cáo kiểm toán liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất sai mục đích trong và sau quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, giai đoạn 2011-2017 của tỉnh An Giang thì Công ty vi phạm một số điều trong lĩnh vực đất đai. Việc vi phạm phát sinh từ việc hợp tác kinh doanh một phần đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên và 103 Nguyễn Huệ B, thành phố Long Xuyên chưa đúng quy định. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình giải trình với Sở Tài Chính, Sở Tài nguyên Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền truy thu trị giá 483 triệu và chưa có quyết định chính thức về việc này. Ban Giám Đốc Công ty cam kết sẽ trình Đại Hội Cổ Đông trong cuộc họp sắp tới về việc sử dụng nguồn lợi nhuận chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán để bù trừ cho khoản tổn thất (nếu có) trong tương lai để không bị ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Phan Thị Tuyết Vân
Người lập biểu
Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Phan Thị Tuyết Vân
Trưởng phòng TCKT

Nguyễn Chí Thành
Giám đốc





An Giang, ngày 18 tháng 4 năm 2020
Người đại diện theo pháp luật



Nguyễn Chí Thành